

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 3 - 2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Sơn

2. Bà Trần Thị Ngọc Kim

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Quang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 889/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1986; Địa chỉ: hẻm Hoàng Hoa T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *có mặt.*

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Xuân M, sinh năm: 1983; Địa chỉ: đường A, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H thì:

Bà và ông M kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng đi thuê nhà trọ sinh sống, đến năm 2017 thì chuyển về sinh sống tại A, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống thời gian đầu cũng hòa thuận, hạnh phúc đến sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, có những lời lẽ xúc phạm nhau, thậm chí còn xảy ra xô xát giữa hai bên

nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được. Năm 2020 và 2023 bà đã làm đơn ly hôn gửi Toà án, được Toà án hoà giải động viên nên bà đã rút đơn để cho ông Mến có cơ hội sửa đổi bản thân nhưng sau mỗi lần bà rút đơn tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện mà còn trầm trọng hơn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Xuân Mến.

Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Xuân P, sinh ngày 08/02/2014 và Huỳnh Khánh T, sinh ngày 24/12/2016. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M. Bị đơn ông Huỳnh Xuân M vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H, cho bà H được ly hôn với ông Mến. Về con chung: giao 02 con chung Huỳnh Xuân P, sinh ngày 08/02/2014 và Huỳnh Khánh T, sinh ngày 24/12/2016 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên, bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Huỳnh Xuân M vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Huỳnh Xuân M kết hôn với nhau năm 2013, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông M nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông M hiện cư trú tại đường A, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản

1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân phường Đ, lời khai trình bày thừa nhận của các đương sự đã đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông M là hôn nhân hợp pháp. Qua xem xét thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông M sau khi kết hôn hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chung sống không hạnh phúc. Mặt khác, vào năm 2020 và năm 2023 bà H đã từng nộp đơn ly hôn đến Toà, sau khi được Toà hoà giải bà đã rút đơn nhưng từ khi bà rút đơn cho đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên bà H quay về đoàn tụ gia đình nhưng bà H kiên quyết xin được ly hôn với ông M. Như vậy, thấy rằng hôn nhân giữa hai bên trên thực tế không còn tồn tại, hai bên không có sự yêu thương, chia sẻ lẫn nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H có nguyện vọng được ly hôn thì ông M không có ý kiến, do đó cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông M.

[3.2] Về con chung: Theo lời trình bày của bà H vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Xuân P, sinh ngày 08/02/2014 và Huỳnh Khánh T, sinh ngày 24/12/2016. Xét thấy, hiện nay các cháu đều đang ở với bà H cuộc sống ổn định; cháu P và cháu Th hiện nay đều đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để tránh xáo trộn sinh hoạt của các con, đảm bảo cho con về mọi mặt cần giao con chung Huỳnh Khánh T và Huỳnh Xuân P cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Huỳnh Xuân M.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung Huỳnh Xuân P, sinh ngày 08/02/2014 và Huỳnh Khánh T, sinh ngày 24/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên, bà Hằng không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0000154** ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Sơn – Trần Thị Ngọc Kim

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 9, tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 9, tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Phú

-

Mai Lương Anh

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND phường 7, thành phố Đà Lạt,
tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Loan

